

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP FDI Ở TỈNH THÁI NGUYÊN: HIỆN TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Nguyễn Tiến Long

Tóm tắt

Từ năm 1993 đến nay; các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (DN FDI) đã tạo điều kiện tốt cho tỉnh Thái Nguyên bổ sung vốn đầu tư, chuyển giao và tiếp nhận được công nghệ phù hợp cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; nhanh đưa Thái Nguyên cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp; tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, tăng thu ngân sách và thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững. Tuy nhiên, quản lý nhà nước đối với các DN FDI vẫn còn những hạn chế, bất cập; dẫn đến những tác động tiêu cực của các DN FDI ở Thái Nguyên. Bài viết phân tích thực trạng, xác định những hạn chế, bất cập và nguyên nhân; đề xuất giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với các DN FDI thời gian tới.

Từ khoá: Doanh nghiệp FDI, quản lý nhà nước, giải pháp, tỉnh Thái Nguyên.

STATE MANAGEMENT FOR FOREIGN DIRECT INVESTMENT ENTERPRISES IN THAINGUYEN PROVINCE: SITUATION AND PROBLEMS

Abstract

During the period 2005 - 2015, state management for FDI enterprises in Thai Nguyen province is not of adequate effectiveness for sustainable economic development. This paper analyzed and evaluated the current situation, the effectiveness and the potential of state management for FDI enterprises in Thai Nguyen province. Addressing the the real situation of state management for FDI enterprises in Thai Nguyen province from 2011 to 2015, this paper recommended major solutions for state management for FDI enterprises in Thai Nguyen province up to 2020 and towards 2030.

Keywords: FDI, FDI enterprise, state management, solutions, Thai Nguyen.

1. Đặt vấn đề

Giai đoạn 2011 – 2015, Thái Nguyên thu hút được nhiều DN FDI hoạt động đầu tư kinh doanh ở tỉnh, năm 2010 chỉ có 10 DN FDI với quy mô vốn 803 tỷ đồng (chiếm 2,96% về cơ cấu vốn so với tổng số vốn đầu tư của các loại hình doanh nghiệp), năm 2015 tăng lên 90.533 tỷ đồng (chiếm 50,1% so với tổng số vốn đầu tư của các loại hình doanh nghiệp). Do đó, khẳng định vai trò và những đóng góp của các DN FDI trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, hoạt động của các DN FDI cũng bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập, gây tác động tiêu cực đến phát triển bền vững của tỉnh Thái Nguyên, có nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó quản lý nhà nước đối với loại hình doanh nghiệp này có vai trò quan trọng, quyết định đến cơ hội đầu tư kinh doanh, hoạt động bền vững của

các DN FDI, vừa tạo động lực nhưng cũng hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của các doanh nghiệp này góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp: Báo cáo và tài liệu của UBND tỉnh Thái Nguyên; các Sở, Ban, Ngành và Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

Phương pháp phân tích số liệu: Phương pháp thống kê mô tả; phân tích so sánh; phương pháp chuyên gia; phương pháp tương quan. Đánh giá mối quan hệ giữa mặt lượng và mặt chất, đánh giá và đo lường mối quan hệ; đánh giá được nguyên nhân và các yếu tố tác động đến quản lý nhà nước đối với các DN FDI ở tỉnh Thái Nguyên.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp FDI ở tỉnh Thái Nguyên

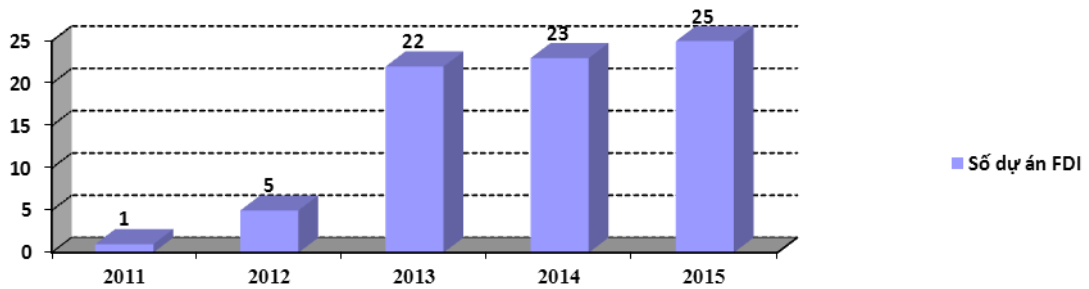
Một là, tỉnh Thái Nguyên đã xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050. Thái Nguyên đã tích cực và chủ động xây dựng mới và hoàn thiện đồng bộ các quy hoạch. Định hướng đa dạng hóa hoạt động đầu tư của các DN FDI theo các hình thức: BOT, BT, BTO, BOO, PPP...

Hai là, tỉnh Thái Nguyên xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách đặc thù nhằm hỗ trợ các DN FDI; ưu tiên những các dự án FDI lớn, có công nghệ cao, công nghệ nguồn phù hợp, có vốn đầu tư lớn, giá trị sản xuất và giá trị xuất khẩu cao, thu nộp ngân sách lớn, giải quyết nhiều lao động, đảm bảo môi trường sinh thái. Giá thuê đất được áp dụng mức giá tối thiểu. Tất cả các DN FDI tại tỉnh Thái Nguyên đều được ưu đãi

miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định và phương tiện vận chuyển chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được; nguyên liệu sản xuất trong thời gian 5 năm từ khi bắt đầu sản xuất; ngân sách tỉnh hỗ trợ DN FDI đào tạo lao động địa phương.

Ba là, tỉnh Thái Nguyên luôn nằm trong những tỉnh có thứ hạng cạnh tranh cao, có những bước đột phá mới để thu hút FDI. Năm 2014, thu hút FDI từ Tập đoàn Samsung, tỉnh Thái Nguyên đã vươn lên đứng đầu cả nước trong thu hút FDI. Năm 2015 và 2016, Thái Nguyên vẫn là một điểm sáng trong thu hút các DN FDI.

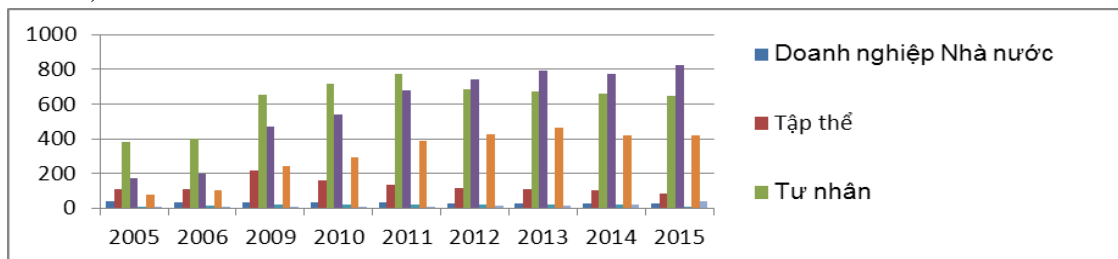
Bốn là, Thái Nguyên đã ban hành và thực hiện có kết quả cải cách thủ tục hành chính, thông qua thực hiện cơ chế “một cửa liên thông” đối với các dự án FDI ở tỉnh.



Biểu đồ 01: Số dự án FDI được cấp phép mới ở Thái Nguyên (2011 - 2015)

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên, năm 2015

Giai đoạn 2011 - 2015, số dự án FDI ở tỉnh Thái Nguyên được cấp phép đầu tư mới liên tục tăng lên (Biểu đồ 01).

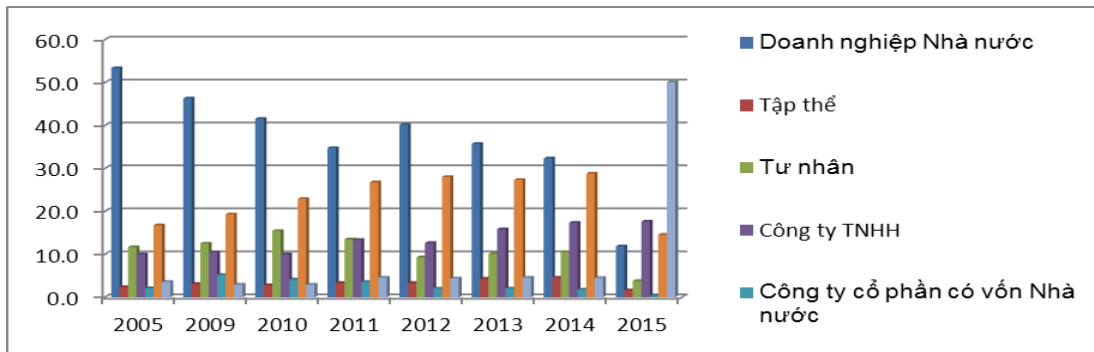


Biểu đồ 02: Số doanh nghiệp ở Thái Nguyên chia theo loại hình (2005 - 2015)

Nguồn: Tác giả tổng hợp theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên

Giai đoạn 2005 - 2015, số DN FDI liên tục tăng lên, từ 10 DN FDI (năm 2005) lên 40 DN FDI (năm 2015) chiếm tỷ lệ gần 2% so với tổng số doanh nghiệp đang hoạt động ở Thái Nguyên

(Biểu đồ 02). Tuy nhiên, xét về cơ cấu vốn thì các DN FDI chiếm tỷ lệ rất cao và tăng dần, năm 2015 các DN FDI chiếm 50% tổng số vốn (Biểu đồ 03).

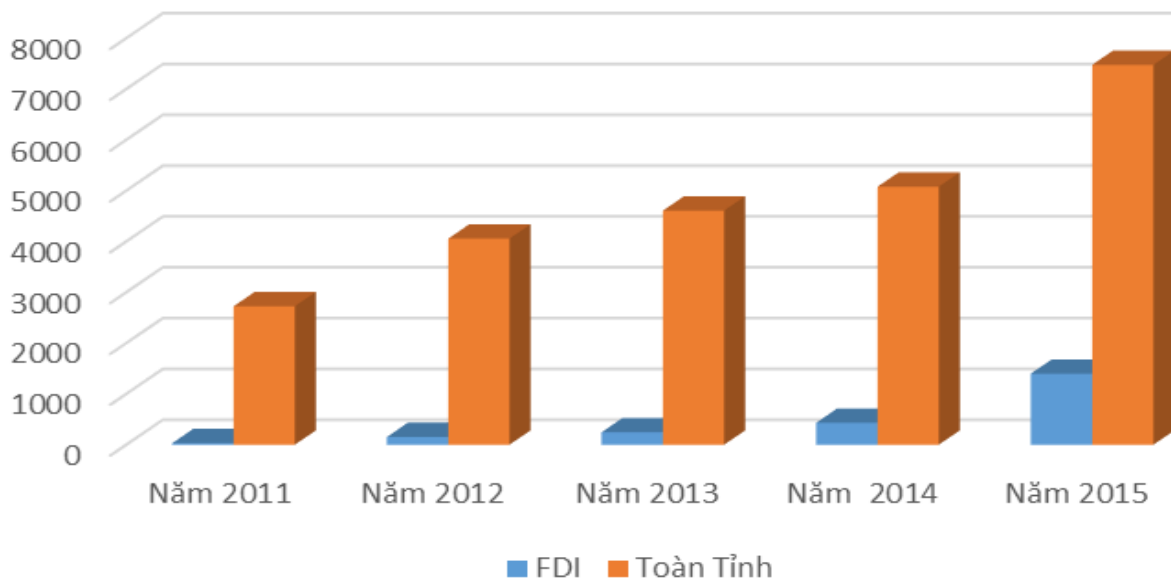


Biểu đồ 03: Cơ cấu vốn theo loại hình doanh nghiệp ở tỉnh Thái Nguyên (2005 - 2015)

Nguồn: Tác giả tổng hợp theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên

Năm là, hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát các DN FDI ở tỉnh Thái Nguyên được thực hiện thường xuyên, định kỳ và đột xuất. Tỉnh đã thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ các DN FDI theo đúng quy định; xử lý những DN FDI có vi phạm.

Sáu là, quản lý thuế đối với các DN FDI thông qua các khoản phải nộp ngân sách địa phương. Năm 2010, DN FDI nộp 31,6 tỷ đồng tiền thuế (chiếm 1,6%) tổng thu ngân sách toàn tỉnh; đến năm 2015, DN FDI đã đóng góp trên 1.398 tỷ đồng (chiếm 23,6%) tổng thu ngân sách toàn tỉnh (Biểu đồ 04).



Biểu đồ 04: Thu ngân sách từ các DN FDI so với toàn tỉnh Thái Nguyên (2011 - 2015)

Nguồn: Cục thuế tỉnh Thái Nguyên

Bảy là, quản lý lao động và thu nhập đối với người lao động trong các DN FDI ở tỉnh Thái Nguyên đã góp phần quan trọng giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và mức sống cho người lao động; gia tăng chất lượng lao động; nhà quản lý và người lao động Việt Nam được rèn luyện, tiếp cận với khoa học công nghệ, tác phong công

nh nghiệp hiện đại, kỷ luật lao động cao. DN FDI làm chuyển dịch cơ cấu lao động ở tỉnh (xem bảng 01)

Bảng 01: Cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế ở tỉnh Thái Nguyên

Loại hình doanh nghiệp	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Nhà nước			
Số lao động (1.000 người)	72,336	72,490	71,746
Cơ cấu (%)	10,2	10,1	9,5
Ngoài nhà nước			
Số lao động (1.000 người)	620,649	584,588	590,084
Cơ cấu (%)	87,5	81,8	78,2
Doanh nghiệp FDI			
Số lao động (1.000 người)	16,408	57,422	92,78
Cơ cấu (%)	2,3	8,0	12,3

Nguồn: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên

Thu nhập bình quân của người lao động trong các doanh nghiệp DN FDI khoảng 9,1 triệu đồng/tháng, cao hơn ở các loại hình doanh nghiệp khác (xem bảng 02).

Bảng 02: Thu nhập bình quân của người lao động trong DN ở Thái Nguyên

Đơn vị tính: tr. VNĐ/tháng

Loại hình doanh nghiệp	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Doanh nghiệp có vốn nhà nước	5,524	5,394	5,773
Doanh nghiệp không có vốn nhà nước	4,0	4,659	4,742
Doanh nghiệp FDI	3,968	5,109	9,145
Bình quân chung	4,497	5,054	6,553

Nguồn: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên

3.2. Những vấn đề đặt ra về quản lý nhà nước đối với các DN FDI ở tỉnh Thái Nguyên

Một là, hoạt động xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch mặc dù đã có quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội từng năm, từng giai đoạn nhưng vẫn chưa đủ thông tin chi tiết về các dự án đầu tư để cung cấp cho nhà đầu tư, đặc biệt là các DN FDI. Thông tin về dự án chưa có quy mô, thông số kỹ thuật cụ thể.

Hai là, hiệu quả của hoạt động xúc tiến FDI chưa cao. Hình thức vận động đầu tư đơn lẻ, thụ động. Hoạt động xúc tiến đầu tư chưa đa dạng, các quốc gia được vận động thu hút FDI trong những năm qua chủ yếu tập trung vào Nhật Bản, Hàn Quốc.

Ba là, phân cấp trong quản lý DN FDI đã nảy sinh nhiều bất cập, nhất là thu hút FDI của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn mới, với định hướng coi trọng chất lượng hơn số lượng, không thu hút FDI bằng mọi giá. Quản lý dự án FDI sau giấy phép chưa đáp ứng được yêu cầu, đặc biệt khâu kiểm soát vốn thực hiện. Có một số DN FDI thực hiện chuyên giá gây tổn thất cho tỉnh.

Bốn là, quản lý nhà nước đối với hoạt động sử dụng lao động tại các DN FDI trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nhiều bất cập, còn hiện tượng người lao động Việt Nam tại các DN FDI bị lạm dụng, không được đảm bảo các chế độ chính sách; khâu tuyển dụng, đào tạo, sa thải người lao động cũng khó kiểm soát.

Năm là, quản lý nhà nước đối với tác động của các doanh nghiệp FDI tới môi trường sinh thái còn nhiều hạn chế; chưa đồng bộ các tiêu chí và định mức kinh phí đối với việc gây ô nhiễm môi trường và cạn kiệt tài nguyên của các DN FDI ở Thái Nguyên.

Những hạn chế, bất cập ở trên xuất phát từ những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, hệ thống pháp luật, chính sách và thủ tục đầu tư chưa đồng bộ, thiếu nhất quán và thay đổi nhanh; có quy định trái ngược nhau, chưa đủ sức hấp dẫn đối với lĩnh vực cần khuyến khích FDI như lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ.

Thứ hai, cơ chế phối hợp tham mưu giữa các cơ quan của tỉnh Thái Nguyên với đơn vị chức năng ở địa phương chưa chặt chẽ, chưa đồng bộ và hiệu quả.

Thứ ba, thụ lý, thẩm tra hồ sơ dự án FDI phải dựa trên sự phù hợp về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhưng chưa được chú trọng, đặc biệt đối với dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp nhỏ và vừa. Giám sát tình hình hoạt động của các DN FDI tại tỉnh Thái Nguyên chưa được quan tâm đúng mức.

Thứ tư, một bộ phận đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước còn thiếu và yếu. Năng lực của cán bộ quản lý, thẩm tra, thanh tra và xúc tiến FDI hạn chế. Do rào cản về ngôn ngữ, nên nhà đầu tư chưa được nhận thức, trang bị đủ thông tin đến FDI tại Thái Nguyên.

Thứ năm, kết cấu hạ tầng chưa hoàn thiện, hệ thống hạ tầng cơ bản vẫn còn yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu đối với nhà đầu tư nước ngoài, làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất kinh doanh của các DN FDI.

3.3. Giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với các DN FDI ở tỉnh Thái Nguyên

Một là, quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch, chuẩn bị sẵn quỹ đất để thu hút đầu tư hiệu quả, không làm nản lòng các nhà đầu tư. Từ đó, quản lý và hướng các DN FDI hoạt động dưới sự kiểm soát trong quy hoạch của tỉnh Thái Nguyên;

Hai là, xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách theo hướng kích cầu đầu tư cởi mở, thông thoáng, nhưng vẫn đảm bảo được sự kiểm soát đồng bộ của tỉnh Thái Nguyên;

Ba là, cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian phê duyệt, thẩm định các dự án FDI; tạo điều kiện thuận lợi chuẩn bị đầu tư của các DN FDI ở tỉnh Thái Nguyên;

Bốn là, tập trung đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của các DN FDI tại Thái Nguyên. Trong đó, tập trung đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trực tiếp quản lý nhà nước đối với các DN FDI trên địa bàn tỉnh;

Năm là, chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất tốt nhất để tiếp đón nhà đầu tư; tạo điều kiện để thu hút các DN FDI đầu tư vào Thái Nguyên;

Sáu là, tập trung nâng cao chất lượng công tác xúc tiến đầu tư, chú trọng đến thu hút các DN FDI từ những nước có công nghệ nguồn, công nghệ phù hợp;

Bảy là, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với các DN FDI theo hướng đơn giản, hiệu quả;

Tám là, kết hợp kiểm tra định kỳ và đột xuất để chấn chỉnh hoạt động của các DN FDI, kịp thời phát hiện các sai phạm để có hướng khắc phục; xem xét tác động tới môi trường sinh thái, chính sách xã hội và việc làm; quản lý và sử dụng lao động; nghĩa vụ với ngân sách nhà nước của các DN FDI, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng;

Chín là, nâng cao chất lượng thu hút các DN FDI vào các KCN, đa dạng hoá loại hình KCN và định hình phân chia chức năng KCN để hướng vào các loại hình đầu tư khác nhau; khuyến khích xây dựng các khu chung cư nhằm giải quyết tình trạng thiếu chỗ ở, tạo thuận lợi cho người lao động an tâm làm việc tại các DN FDI;

Mười là, thực hiện đồng bộ và nhất quán cơ chế đầu tư, kết hợp giữa đầu tư trong nước với FDI, FPI (hoặc ODA) để đầu tư vào cơ sở hạ tầng, phát triển các dịch vụ phục vụ hoạt động cho các DN FDI;

Mười một, tiếp tục triển khai ghi nhận danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu” và “Giám đốc doanh nghiệp tiêu biểu” tỉnh Thái Nguyên để từ đó khuyến khích tinh thần của các nhà quản lý các cơ sở kinh doanh, trong đó có các DN FDI.

4. Kết luận

Thúc đẩy hoạt động có hiệu quả của các DN FDI trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là điều kiện cơ bản để thu hút FDI bền vững. Từ đó, đẩy mạnh phát triển nền kinh tế tỉnh Thái Nguyên đáp ứng được yêu cầu của xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ các giải pháp. Tuy nhiên, phải tăng cường quản lý nhà nước đối với các DN FDI trên địa bàn tỉnh. Thực hiện một số giải pháp cơ bản ở trên sẽ là tiền đề cho thu hút FDI có điều kiện để Thái Nguyên sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên. (2015). *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2015*. Thái Nguyên.
- [2]. Luật Đầu tư, số 67/2014/QH13, Quốc Hội khóa 13.
- [3]. Nguyễn Tiến Long. (2012). *Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Thái Nguyên*. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động.
- [4]. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên. (2010). *Báo cáo tình hình thu hút FDI giai đoạn 1993 – 2015*. Thái Nguyên.
- [5]. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (2016). *Báo cáo kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2015*. Thái Nguyên.

Thông tin tác giả:

Nguyễn Tiến Long, Tiến sĩ
- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & QTKD
- Địa chỉ email: nguyentienlong@tueba.edu.vn

Ngày nhận bài: 26/12/2016
Ngày nhận bản sửa: 06/02/2017
Ngày duyệt đăng: 10/03/2017